

Mạo từ bất định trong tiếng Anh

A. Cách sử dụng mạo từ bất định trong tiếng Anh

Mạo từ bất định a được đọc là /ə/ ở các âm yếu; đọc là /ei/ trong các âm mạnh.

Mạo từ **a/an** đặt trước một danh từ số ít đếm được và được dùng trong những trường hợp sau đây:

- 1. Mạo từ bất định **a/an** với ý nghĩa *một người, một vật, một cái bất kỳ*.

- I have a sister **and** two brothers. Tôi có một người chị và hai người anh.

- 2. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trong các thành ngữ chỉ một sự đo lường.

- He works forty-four hours a week. Anh ấy làm việc 44 giờ một tuần.

- 3. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trước các chữ **dozen** (hàng tá), **hundred**(trăm), **thousand** (ngàn), **million** (triệu).

- There are a dozen eggs in the fridge. Có một chục trứng trong tủ lạnh.

- 4. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trước các bổ ngữ từ (complement) số ít đếm được chỉ nghề nghiệp, thương mại, tôn giáo, giai cấp ...

- George is an engineer. George là một kỹ sư. - The King made him a Lord. Nhà Vua phong cho ông ta làm Huân tước.

- 5. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trước một danh từ riêng khi đề cập đến nhân vật ấy như một cái tên bình thường.

- A Mr. Johnson called to see you when you were out. Một Ông. Johnson nào đó đã gọi để gặp bạn khi bạn ra ngoài.

- 6. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng với ý nghĩa cùng, giống (same) trong các câu tục ngữ, thành ngữ.

- They were much of a size. Chúng cùng cỡ. Birds of a feather flock together. Chim cùng loại lông hợp đàn với nhau - Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã

- 7. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trước một ngữ đồng vị (appositive) khi từ này diễn tả một ý nghĩa không quen thuộc lắm.

- He was born in Lowton, a small town in Lancashire. Ông ấy sinh tại Lowton, một thành phố nhỏ ở Lancashire.

- 8. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trong các câu cảm thán (exclamatory sentences) bắt đầu bằng "What" và theo sau là một danh từ số ít đếm được.

- What a boy! Một chàng trai tuyệt làm sao!

- 9. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trong các thành ngữ sau (và các cấu trúc tương tự):

It's a pity that... : Thật tiếc rằng... to keep it a secret : giữ bí mật
as a rule : như một nguyên tắc
in a hurry : vội vã to be in a good/bad temper : bình tĩnh/cáu kỉnh
all of a sudden : bất thình lình to take an interest in : lấy làm hứng thú
trong to make a fool of oneself : xử sự một cách ngốc nghếch
to have a headache : nhức đầu to have an opportunity to : có cơ hội
at a discount : giảm giá on an average : tính trung bình
a short time ago : cách đây ít lâu

- 10. Mạo từ bất định **a/an** được sử dụng trong các cấu trúc such a; quite a; many a; rather a.

- I have had such a busy day.

B. Trường hợp KHÔNG sử dụng mạo từ bất định

Mạo từ bất định không được sử dụng trong các trường hợp sau:

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** trước một danh từ chỉ một tước hiệu, cấp bậc hay một chức danh chỉ có thể giữ bởi một người trong một thời điểm nào đó.

- They made him King. Họ lập ông ta làm vua. - As Chairman of the Society, I call on Mr. Brown to speak. Với tư cách là Chủ tịch Hiệp hội, tôi mời Ô. Brown đến nói chuyện.

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** trước những danh từ không đếm được (uncountable nouns) nói chung.

- He has bread and butter for breakfast. Anh ấy ăn sáng với bánh mì và bơ. - She bought beef and ham. Cô ấy mua thịt bò và thịt heo.

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** trước các danh từ chỉ các bữa ăn nói chung.

- They often have lunch at 1 o'clock. Họ thường ăn trưa lúc một giờ.
- Dinner will be served at 5 o'clock. Bữa ăn tối sẽ được dọn lúc 5 giờ.

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** trước các danh từ chỉ một nơi công cộng để diễn tả những hành động thường được thực hiện tại nơi ấy.

- He goes to school in the morning. Anh ta đi học vào buổi sáng. -
They go to market every day. Họ đi chợ mỗi ngày.

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** trước các danh từ chỉ ngày, tháng, mùa.

- Sunday is a holiday. Chủ nhật là một ngày lễ. - They often go there
in summer. Họ thường đến đó vào mùa hè.

- KHÔNG sử dụng mạo từ bất định **a/an** sau động từ **turn** với nghĩa **trở nên, trở thành**.

- He used to be a teacher till he turned writer. Ông ấy là một giáo
viên trước khi trở thành nhà văn.